

Bản án số: 58/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 9 năm 2023

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Nguyễn Thi Thi**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Cơ**

2. Ông **Nguyễn Công Chi**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thùy - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu – thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 297/2023/TB-TLVA ngày 16 tháng 8 năm 2023, về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Việt V, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh L.

Địa chỉ liên hệ: Số 4 đường Túy Loan 6, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1988; Nơi ĐKNKTT: Tổ 17 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: 22 T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Việt V trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Việt V và bà Phan Thị Thu T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại quê chồng ở

xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Thời gian sau khi sinh con đầu lòng thì bà T đã về sống cùng ông bà ngoại tại địa chỉ: thôn 12, xã Eaktur, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi con cái cứng cáp thì bà T đã chuyển ra thành phố Đà Nẵng để sinh sống và làm việc ổn định tại tổ 17, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong suốt quá trình chung sống, giữa ông V và bà T phát sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài gần chục năm không thể hàn gắn được. Nguyên nhân chính là do tính tình và quan điểm sống không hợp, bên cạnh đó là sự khác biệt về tính cách, suy nghĩ cũng như lối sống cá nhân không thể dung hòa cùng nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên ngăn nhưng giữa vẫn không thể tiếp tục duy trì tình cảm như trước kia, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Phạm Việt V được ly hôn với bà Phan Thị Thu T.

- Về con chung: Ông Phạm Việt V xác nhận ông và bà T có 01 con chung là cháu Phạm Nhật Lan V, sinh ngày 11/7/2012.

Ly hôn ông V có nguyện vọng sẽ giao cháu Phạm Nhật Lan V, sinh ngày 11/7/2012 cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Việt V xác nhận ông và bà Phan Thị Thu T không có tài sản chung và nợ chung.

*** Bị đơn – bà Phan Thị Thu T:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập lên lấy lời khai, Thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt và có văn bản trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T đồng ý ly hôn với ông Phạm Việt V.

- Về con chung: Bà Phan Thị Thu T và ông Phạm Việt V có 01 con chung là cháu Phạm Nhật Lan V, sinh ngày 11/7/2012.

Ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vy cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phan Thị Thu T và ông Phạm Việt V không có tài sản chung và nợ chung.

*** Qua xác minh tại địa phương thể hiện:** Bà Phan Thị Thu T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương tuy nhiên mâu thuẫn gia đình địa phương không biết..

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đã có ý kiến trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không tham gia quá trình tố tụng, do đó bị đơn cũng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung của ông Phạm Việt V đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận. Đề nghị HĐXX xử cho ông Phạm Việt V ly hôn với bà Phan Thị Thu T; Về con chung giao 01 con chung là cháu Phạm Nhật Lan V, sinh ngày 11/7/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi thành niên, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Ông Phạm Việt V và bà Phan Thị Thu T xác nhận không có nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn bà Phan Thị Thu T có cư trú tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Phạm Việt V và bà Phan Thị Thu T đều đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phạm Việt V và bà Phan Thị Thu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn kéo dài gần chục năm không thể hàn gắn được. Nguyên nhân chính là do tính tình và quan

điểm sống không hợp, bên cạnh đó là sự khác biệt về tính cách, suy nghĩ cũng như lối sống cá nhân không thể dung hòa cùng nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Phan Thị Thu T vắng mặt nhưng cũng có văn bản trình bày đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông Phạm Việt V và bà Phan Thị Thu T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Phạm Việt V đối với bà Phan Thị Thu T.

[2.2] *Về con chung*: Ông Phạm Việt V xác nhận bà và bà Phan Thị Thu T có 01 con chung là cháu Phạm Nhật Lan V, sinh ngày 11/7/2012. Ly hôn ông V có nguyện vọng được giao con bà T và bà T cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vy cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét con chung hiện nay đều đang sống và sinh hoạt ổn định với bà T, đây cũng là sự tự nguyện thỏa thuận của ông V và bà T nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Phạm Việt V và bà Phan Thị Thu T xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

[3] *Về án phí*: Ông Phạm Việt V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, nuôi con chung” của ông Phạm Việt V đối với bà Phan Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Việt V, sinh năm 1991 được ly hôn với bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1988.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 180 ngày 11/10/2011 của Ủy ban nhân dân xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An không còn giá trị kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về quan hệ con chung: Giao 01 con chung tên Phạm Nhật Lan V, sinh ngày 11/7/2012 cho bà Phan Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con

chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Phạm Việt V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Phạm Việt V phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001073 ngày 14/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Ông V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND xã Phước Lại,
- huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An;
- Hồ sơ vụ án.

Trần Nguyễn Thi Thi